



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
SAO THÁI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 15 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM**

- Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương
- Mã chứng khoán: SJF
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 33.982.626
- Fax: 84-24) 33.982.626

- Người thực hiện công bố thông tin: Hà Thị Phương Thủy - Kế toán trưởng
- Địa chỉ: Thôn Hạ Hoà, xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, Hà Nội
- Điện thoại: 84-24) 33.982.626
- Fax: (84-24) 33.982.626

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2021 Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương

Địa chỉ Website đăng tải thông tin: <http://stdgroup.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

Người được ủy quyền công bố thông tin

HÀ THỊ PHƯƠNG THỦY

Số:01 /BCTN-SJF 2022

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương
Năm báo cáo 2021**

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Ủy ban chứng khoán nhà nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105806767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2012
- Vốn điều lệ: 792.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 792.000.000.000 VND
- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại: 02433982626
- Số fax: 02433982626
- Website; <http://stdgroup.vn>
- Mã cổ phiếu: **SJF**

Quá trình hình thành và phát triển

❖ Thành lập

Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thái Dương được thành lập năm 2012 với mục đích ban đầu là đưa các sản phẩm chăm sóc sắc đẹp (mỹ phẩm) có nguồn gốc từ thiên nhiên (thảo dược hay hữu cơ như Sakura, ecoparadise..) từ các thị trường phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc..) đến với người tiêu dùng Việt Nam.

Trước mối lo ngại ngày càng tăng về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như vấn đề ô nhiễm môi trường ở Việt Nam trong những năm gần đây và với nền tảng là các mối quan hệ với các công ty hàng đầu về công nghệ của Châu Âu và Nhật Bản, năm 2014 SJF tăng vốn lên 250 tỷ đồng để mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và tre ép công nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm sạch và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái đồng thời giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho vùng miền núi Tây Bắc.

Đầu năm 2015 Công ty cùng các đối tác Nhật Bản thử nghiệm áp dụng một số công nghệ vi sinh tiên tiến vào trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi nhằm tìm ra công nghệ thích hợp nhất, hiệu quả nhất cho nền sản xuất nông nghiệp sạch của Việt Nam.

Trong năm 2015, SJF tăng vốn lên 660 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào hai Nhà máy tre ép công nghiệp (tại hai tỉnh Hoà Bình và Điện Biên) và triển khai đầu tư chuỗi sản xuất nông nghiệp



sạch theo công nghệ sinh học của 03 công ty SunStar Lacto Japan, Công ty Skylife (Nhật Bản) và Công ty Ecoparadise (Nhật Bản) nhằm tạo ra các thực phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đầu năm 2016 Công ty đã chính thức tiếp nhận chuyển giao độc quyền các công nghệ của Nhật Bản áp dụng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất thực phẩm hữu cơ và xử lý ô nhiễm môi trường (nước thải trong sinh hoạt và công nghiệp chế biến thực phẩm). Các công nghệ này đã bước đầu cho kết quả tốt và được các doanh nghiệp cũng như người dân đánh giá cao về tính hiệu quả, năng suất và đặc biệt là tính đơn giản trong áp dụng, giúp người sử dụng có thể dễ dàng tạo ra các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và sạch với chi phí hợp lý.

Tháng 4/2017, Sao Thái Dương (SJF) bắt đầu triển khai hợp tác toàn diện với CTCP Mía Đường Lam Sơn (LASUCO) để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng công nghệ Nhật Bản và lập Xây dựng Nhà máy sản xuất tre công nghiệp công suất 100.000 m³/năm tại Thanh Hoá nơi tập trung nguồn nguyên liệu tre lớn nhất của cả nước, nhằm đáp ứng nhu cầu lớn của các sản phẩm tre sinh thái mà hiện tại Nhà máy BWG không đáp ứng được hết nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Tháng 07/2017: Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, mã chứng khoán SJF.

Tháng 09/2018: Công ty niêm yết bổ sung 13.200.000 cổ phiếu SJF hoàn thành tăng vốn lên 792 tỷ đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất tre ép công nghiệp (đồ gia dụng, nội thất, ván sàn, tấm lót đường và các sản phẩm tấm ép công nghiệp khác bằng tre);
- Sản xuất nông nghiệp công nghệ sinh học Nhật Bản; Chuyển giao công nghệ bao tiêu sản phẩm;
- Thương mại nông sản và vật tư nông nghiệp.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

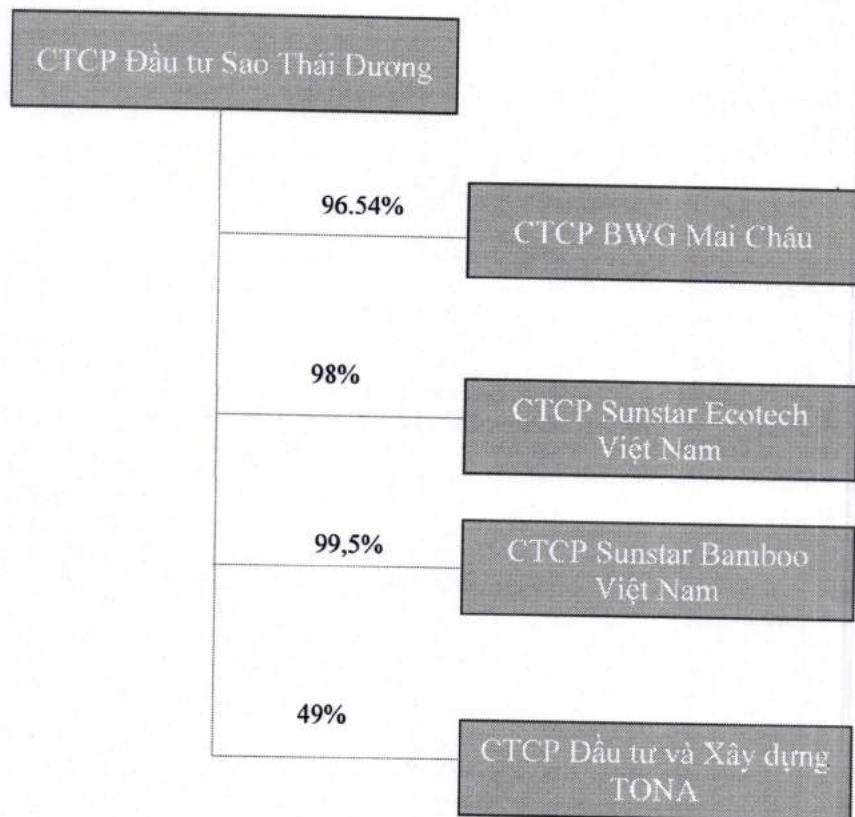
- Địa bàn kinh doanh của công ty ở Hà Nội và chủ yếu tập trung tại vùng Tây bắc: tỉnh Hòa Bình, Điện Biên...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty hoạt động theo hai mô hình sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên gồm: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát: 03 thành viên gồm: 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên BKS
- Ban Điều hành: 01 Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng.
- Các phòng ban chức năng



Các công ty con

Công ty Cổ phần BWG Mai Châu

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5400454416 do Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/09/2014
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, Hòa Bình
- Điện thoại: 0916 169307
- Vốn điều lệ: 280.000.000.000 (Hai trăm tám mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 96,54%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh tre ép công nghiệp

Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0109026415 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 13/12/2019
- Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT M Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 98%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0107811547 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 07/06/2019
- Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT M Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 99,5%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

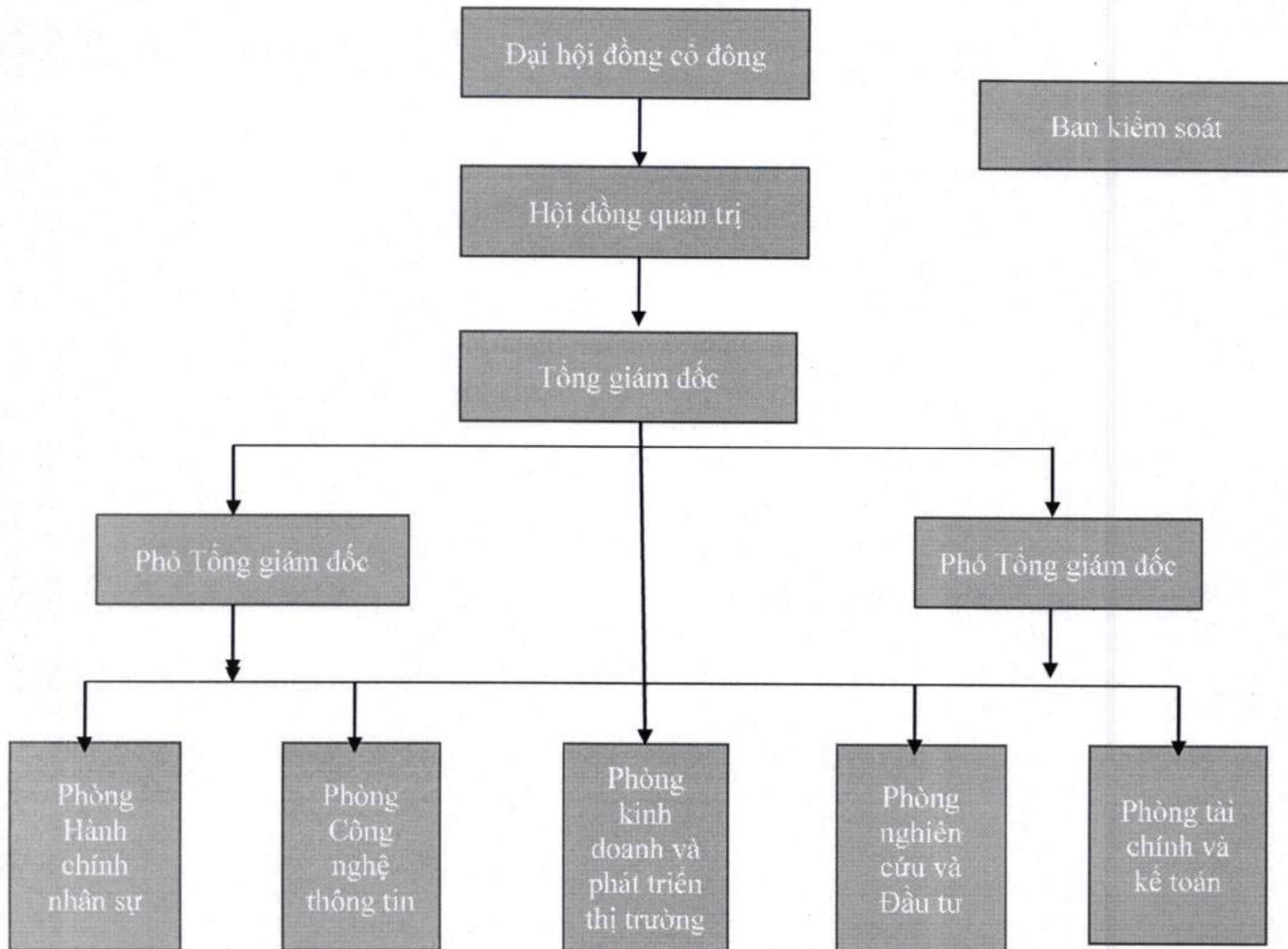
Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104770701 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 01/07/2010
- Địa chỉ: Số 1, tổ 8 phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0912102246
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 49%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà và hạ tầng kỹ thuật

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

❖ Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương có 05 thành viên.

HDQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hội đồng quản trị do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương bao gồm 05 thành viên:

❖ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HDQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

• **Phòng Hành chính và Nhân sự**

- Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng yêu cầu của công ty.
- Tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo vào tái đào tạo.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Tổng giám đốc.
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng cho Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty, các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Tổng Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo, điều hành phục hục hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động.

- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu.
- Định hướng cho tổ chức, quản lý quy trình làm việc và phân chia kế hoạch cho tổ chức.
- **Phòng Công nghệ thông tin**
- Quản lý hệ thống mạng, máy vi tính của toàn bộ Công ty, đảm bảo hoạt động liên tục, thông tin xuyên suốt, an toàn.
- Xây dựng hệ thống thông tin và an toàn mạng cho toàn bộ Công ty.
- Quản lý dữ liệu, tổ chức việc phân quyền truy cập sử dụng, sao lưu đảm bảo an toàn và bảo mật số liệu, dữ liệu trên hệ thống.
- Đề xuất nâng cấp, mua mới, thanh lý các thiết bị vi tính, phục vụ công tác tại các phòng ban thuộc công ty.
- Triển khai và giám sát việc khai thác, sử dụng thông tin trên mạng Internet.
- Tham mưu, đề xuất Ban Tổng Giám đốc các chính sách phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kinh doanh và Phát triển thị trường**
- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh.
- Đánh giá tình hình và kế hoạch kinh doanh, tham mưu xây dựng các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn, đề ra các phương án mở rộng thị trường, chủ động phát triển khách hàng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thiện phát quy trình phát triển khách hàng .
- Tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ khách hàng đảm bảo chính xác và theo đúng quy trình của Công ty.
- Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.
- **Phòng Nghiên cứu và Đầu tư**
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty
- Xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.
- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến độ thực hiện kế hoạch.
- Triển khai các phương án đầu tư đã được phê duyệt.
- Nghiên cứu, đánh giá, tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đề xuất đầu tư mới, thoái vốn tại các công ty khác.
- Quản trị danh mục đầu tư, Thực hiện báo cáo phân tích đầu tư, báo cáo phân tích dự án, báo cáo quản trị Công ty con/liên doanh liên kết.
- Phối hợp với phòng ban khác giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, quản lý nguồn vốn đầu tư của Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra thực hiện quy chế đầu tư và quản lý phần vốn của công ty tại các công ty thành viên.
- Đề xuất và có biện pháp thu đầy đủ, kịp thời cổ tức, lợi nhuận được phân phối các nguồn vốn đầu tư của Công ty.
- **Phòng Tài chính và Kế toán**
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công của Công ty với khách hàng.

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính kế toán, trong đánh giá sử dụng tài sản, nguồn vốn theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kế hoạch tài chính đã xây dựng.
- Đề xuất tổ chức bộ máy kế toán và hướng dẫn áp dụng việc hạch toán kế toán. Tổ chức kiểm tra hạch toán kế toán.
- Tham mưu đề xuất việc khai thác, huy động và sử dụng các nguồn vốn phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
- Phối hợp các phòng ban chức năng trong Công ty nhằm phục vụ tốt công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá thành phẩm, bán thành phẩm, doanh thu, đầu vào, và xác định kết quả kinh doanh.
- Lập và gửi đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành và của Công ty.
- Phối hợp với các đơn vị dịch vụ để quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Duy trì vị thế số một ngành tre công nghiệp ở Việt Nam. Tập trung phát triển chuỗi liên kết ngành để phát triển vùng nguyên liệu.
- Phát triển vùng nguyên liệu kết hợp du lịch sinh thái và bảo tồn tre tại Hoà Bình.
- Phát triển dòng sản phẩm tre mới thân thiện môi trường thay thế nhựa.
- Xây dựng chuỗi kho bảo quản cấp đông mềm ở các tỉnh có thể mạnh nông sản.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- CTCP Đầu tư Sao Thái Dương định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc đầu tư, ứng dụng những công nghệ tiên tiến đã thành công ở các nước phát triển vào các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và xử lý môi trường.
- Đi đầu trong phát triển chuỗi giá trị toàn cầu cho các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường
- Đầu tư và hợp tác với các doanh nghiệp lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
- M&A các doanh nghiệp (Nhà nước và tư nhân) trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Duy trì vị thế Số 1 trong ngành tre công nghiệp tại Việt Nam

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

Xã hội ngày càng phát triển, vấn đề phát triển bền vững càng được cả thế giới quan tâm, phát triển bền vững ngoài kinh tế, con người, văn hóa, xã hội thì yếu tố môi trường luôn được chú trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững nên trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, SJF luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người dân xung quanh khu vực nhà máy, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân. Bên cạnh đó SJF còn tạo điều kiện cho lao động tại chỗ có việc làm ổn định tại nhà máy, góp phần nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực:

- Sử dụng nhiên liệu sạch để hạn chế khí thải góp phần bảo vệ môi trường.

- Nâng cao cải thiện đời sống cho CBNV và thường xuyên thực hiện an sinh xã hội tại địa phương
- Phát triển năng lượng tái tạo để bảo vệ môi trường
- Vận hành ổn định, hiệu quả nhà máy để góp phần phát triển kinh tế đất nước và khu vực.

4.3.1. Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất, môi trường.

- Đầu tư công nghệ hiện đại, tiên tiến, vừa tiết kiệm năng lượng cho hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo an toàn môi trường chung cho xã hội.
- Tiết kiệm năng lượng
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng.
- Đảm bảo an sinh xã hội.

4.3.2. Người lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho người lao động.
- Chú trọng công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động.
- Thực hiện đúng chính sách cho người lao động như lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm, ốm đau.

4.3.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

- Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt bằng cách làm thêm giờ, ngày công.
- Hỗ trợ một số hộ nghèo tại huyện Mai Châu, Hòa Bình.
- Tham gia chương trình nhân đạo.
- Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

4.4. Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật vận hành
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC
- Nâng cao công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quan hệ cổ đông
- Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn lực
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí
- Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Trong năm 2021, kinh tế cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19. GDP năm 2021 chỉ tăng 2,58%. Là mức thấp nhất trong 10 năm qua do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực kinh tế xã hội.

Các yếu tố này có ảnh hưởng không nhỏ và tác động mang tính hệ thống đến toàn bộ nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương nói riêng.

5.2. Rủi ro pháp lý

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên CTCP Đầu tư Sao Thái Dương chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh

vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro ngành

❖ Thị trường

Tiềm năng của thị trường tre ép công nghiệp trên thế giới được đánh giá là rất lớn, có tính cạnh tranh cao với các vật liệu khác đang có mặt trên thị trường và đặc biệt là đang được sử dụng để thay thế nguyên liệu gỗ. Hiện nay, trên thị trường Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đã có rất nhiều các Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn chuyển sang sản xuất kinh doanh các sản phẩm cuối cùng có nguồn gốc từ tre ép công nghiệp. Do đó, SJF sẽ vấp phải sự cạnh tranh khá lớn trong vấn đề về giá, về chất lượng, về mẫu mã sản phẩm và đặc biệt là vấn đề khách hàng với các đối thủ khác.

❖ Các yếu tố đầu vào

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành sản xuất tre ép công nghiệp, nguyên liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Hơn nữa, do ngành hàng tre ép do còn là một lĩnh vực mới ở nước ta nên gặp phải những khó khăn về máy móc, công nghệ, vùng nguyên liệu chưa có quy hoạch đồng bộ và đặc biệt chưa có một chính sách phù hợp để hỗ trợ, xúc tiến thương mại và gắn kết các doanh nghiệp với nhau.

SJF đang tìm kiếm thêm nhiều vùng nguyên liệu ở một số tỉnh lân cận: Thanh Hóa.. để đảm bảo nguồn cung cấp dồi dào cho sản xuất. Mặt khác công ty đang tự phát triển vùng nguyên liệu tại Hòa Bình và Thanh Hóa để không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn cung cấp bên ngoài.

5.4. Rủi ro các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Do đầu tư vào nhiều công ty con, công ty liên kết, CTCP Đầu tư Sao Thái Dương chịu rủi ro trong việc quản lý hiệu quả các khoản đầu tư này. Cụ thể, khi hoạt động kinh doanh của các công ty con gặp khó khăn sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống. Đối với các khoản đầu tư tài chính, rủi ro đối với SJF là biến động giá cổ phiếu và tính thanh khoản của các khoản đầu tư. Với việc nắm sở hữu tại rất nhiều công ty thành viên với quy mô và tỷ lệ nắm giữ khác nhau, CTCP Đầu tư Sao Thái Dương sẽ phải đối mặt nhiều thách thức trong quản lý các khoản đầu tư của mình, ví dụ như việc chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty thành viên, khả năng đưa dòng tiền tại các công ty thành viên về Công ty mẹ, đối mặt với các xung đột lợi ích với các cổ đông khác tại các công ty con, công ty liên kết.

5.5. Rủi ro môi trường, thiên tai dịch bệnh.

Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bão lũ, hỏa hoạn có thể gây thiệt hại đến nhà máy. Công ty đã mua bảo hiểm có các loại tài sản, hàng hóa để nhằm hạn chế bớt rủi ro này. Các ảnh hưởng về môi trường như khí hậu nguồn nước, chất thải... đều ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã bố trí phòng Chăm sóc sức khỏe để phụ trách để hạn chế rủi ro do môi trường gây ra

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2021	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần hợp nhất	350	494,34	141,24%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	5	17,77	355,40%

Năm 2021, đại dịch covid-19 bùng phát phức tạp và kéo dài dẫn đến nền kinh tế thế giới khủng hoảng nghiêm trọng, các nước phong tỏa diện rộng, việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ đều bị tác động nặng nề. Chi phí nguyên liệu, vận chuyển tăng cao làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh. Mặc dù gặp rất nhiều bất lợi nhưng Ban lãnh đạo công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, chuyên nghiệp trong công việc, triển khai quyết liệt hiệu quả trong công tác quản trị tài chính, thị trường, cơ chế chính sách. Công ty đã vững bước vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành ổn định nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021.

- Công ty tổ chức tốt công tác sản xuất kinh doanh trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19, đảm bảo chất lượng và tiến độ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 17,77 tỷ đồng vượt kế hoạch đã được ĐHCĐ đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

❖ Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/01/2022)
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 04/01/2022)
3	Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Hà Thị Phương Thủy	Kế Toán Trưởng

➤ Ông Nguyễn Anh Tuấn- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Từ năm 2009-2011 ông giữ chức vụ Chuyên Viên Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn Hà Nội
- Từ năm 2011 đến năm 2013 với vai trò là Chuyên viên Công ty CP Vinaconex 21.
- Từ năm 2013 đến 2020, Phó Giám đốc Công ty CP HAWINCO Phúc Minh.
- **Sở hữu cổ phần sở hữu:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

➤ Ông Nguyễn Trọng Nghĩa- Tổng giám đốc

- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ
- TS Nguyễn Trọng Nghĩa là một trong những nhà sáng lập của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thái Dương. TS Nghĩa là người đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng nhà máy BWG Mai Châu và là một trong những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm nhất Việt Nam về công nghệ sản xuất tre công nghiệp. TS Nghĩa đồng thời là chuyên gia tài chính với trên 15 năm kinh nghiệm tư vấn tái cấu trúc, niêm yết, M&A cho trên 50 doanh nghiệp và tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài.
- TS Nghĩa tốt nghiệp cử nhân tài chính ngân hàng tại trường ĐH Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội; Có bằng thạc sỹ MBA và tiến sỹ tại Đại học tổng hợp Wales, Bangor, Vương quốc Anh; Nghiên cứu và giảng dạy sau Tiến sỹ tại Trường Manchester Business School, UK, chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng và tài chính đầu tư.
- **Sở hữu cổ phần sở hữu:** 1.000.000 cổ phần chiếm 1,26% vốn điều lệ

➤ Ông Nguyễn Xuân Nam – Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Xuân Nam là chuyên gia trong lĩnh vực cơ khí chế tạo máy và tự động hoá. Ông từng tham gia quản lý và điều hành nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực khác nhau. Ông tham gia tập đoàn Sao Thái Dương từ năm 2013 phụ trách hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ của các nhà máy tre và nhà máy sản xuất chế phẩm vi sinh của Nhật Bản.
- Ông Nguyễn Xuân Nam có bằng Kỹ sư Công Nghệ và Cơ khí chế tạo máy từ Tiệp Khắc. Ông từng làm việc tại nhiều công ty lớn trong nước và quốc tế: KOVOSVIT MAS, Công ty Máy nông nghiệp Hà Tây, Công ty liên doanh SUNWAY Hà tây, CTCP CP XDXD & VLXD THK, CTCP TC-ĐT & DV FISC.
- Sở hữu cổ phần sở hữu: 3.510.000 cổ phần chiếm 4,43% vốn điều lệ

➤ Ông Masayuki Takeuchi – Phó Tổng Giám Đốc Phụ trách Công nghệ Sinh học và Nông nghiệp

- Ông Masayuke Takeuchi là chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ sinh học và sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Nhật Bản và quốc tế. Ông là người sáng tạo ra hệ thống công nghệ thủy canh đã được ứng dụng rộng rãi tại Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới. Mong muốn của ông là giúp Sao Thái Dương và Việt Nam xây dựng được nền nông nghiệp bền vững với những sản phẩm chất lượng Nhật Bản cho người dân Việt Nam và xuất khẩu về Nhật Bản.
- Ông Masayuke Takeuchi là đồng sáng lập Công ty Hokuyo Engineering và Sunstar Lacto Japan, chuyên cung cấp các sản phẩm sinh học và công nghệ cao trong nông nghiệp.
- Ông là chìa khoá thành công của Sao Thái Dương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và thực phẩm.
- Sở hữu cổ phần sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

➤ Bà Hà Thị Phương Thủy- Kế toán trưởng

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- 2007 – 2009 Kế toán Viện dược liệu
- 2009 – 2012 Kế toán Công ty cổ phần đầu tư đầu tư xây dựng Trung Việt
- 2012 - 2014 Kế toán Công ty CP ĐT xây lắp dầu khí IMICO
- 2014 – 2019 Kế toán Công ty CP Hawinco đầu tư xây dựng Hạ Tầng.
- Sở hữu cổ phần sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

❖ Thay đổi ban điều hành trong năm: không

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tính đến ngày 31/12/2021 tổng số CBCNV của Công ty là 248 người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ		
Trên Đại học	4	0.69%
Đại học	36	6.21%
Cao đẳng/trung cấp	12	2.07%
Công nhân/kỹ thuật	527	91.01%
Phân theo giới tính		
Nam	204	35.24%
Nữ	375	64.76%
Tổng	579	100%

➤ Lao Thu nhập bình quân CBCNV năm 2021: 6,5 triệu đồng/người/tháng.

Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng: Công ty luôn đề cao năng lực của từng lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với công ty, có trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp. Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt đối với những nhân viên xuất sắc có nhiều đóng góp.
- Chính sách đào tạo cán bộ: CNV tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho công ty.
- Chính sách phúc lợi xã hội: Công ty đảm bảo chế độ cho người lao động theo quy định. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho cán bộ tham quan nghỉ mát.
- Chính sách lương thưởng: Công ty đã ban hành quy chế lương thưởng theo quy định cấp bậc công việc đảm nhiệm. Công ty đảm bảo hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ luật lao động đã ban hành

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

• Nhà máy sản xuất tre ép tấm công nghiệp và tre ép tấm nội thất

Thông tin về dự án Nhà máy sản xuất Tre ép tấm tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình do Công ty CP BWG Mai Châu đầu tư thực hiện:

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 2512100459 của UBND tỉnh Hòa Bình cấp ngày 27/11/2014 và các Quyết định điều chỉnh.
- Tổng mức đầu tư: 253,9 tỷ đồng
- Địa điểm: Cụm công nghiệp Chiềng Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình,
- Nhà máy BWG Mai Châu có công suất lớn nhất Việt Nam về tre ép công nghiệp (100.000 m³/năm) và tre ép tấm nội thất 20.000 m³/năm, được đầu tư bài bản và hiện đại.

Năm 2021 nhà máy có nhiều đơn hàng xuất khẩu đi các nước như: Cannada, Mỹ... ngoài ra còn có rất nhiều các đơn hàng sản xuất trong nước.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.160.981.133.307	1.163.610.961.508	0,22%
Doanh thu thuần	370.690.891.872	494.342.529.743	33,36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(23.506.928.411)	17.982.622.915	176,50%
Lợi nhuận khác	(221.711.926)	(4.910.226.278)	-2115%
Lợi nhuận trước thuế	(23.728.640.337)	13.072.396.637	155,09%
Lợi nhuận sau thuế	(28.420.302.748)	17.779.430.047	162,56%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,21	2,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,05	2,13	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,27	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,37	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	6,32	5,68	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,42	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-7,67	0,03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-3,41	0,02	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-2,45	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-6,34	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. (Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 25/05/2021)

- Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là 79.200.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông
- Loại cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 79.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0cp./.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông trong nước	5.098	77.561.890	775.618.900.000	97,93%
a. Pháp nhân	23	531.774	5.317.740.000	0,67%
b. Cá nhân	5.075	77.030.116	770.301.160.000	97,26%
2. Cổ đông nước ngoài	40	1.638.110	16.381.100.000	2,07%
a. Pháp nhân	32	1.104.840	11.048.400.000	1,40%
b. Cá nhân	8	533.270	5.332.700.000	0,67%
Tổng cộng	5.138	79.200.000	792.000.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường và các nghị định thông tư hướng dẫn thi hành, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu, bảo vệ môi trường với chất thải rắn, khí...

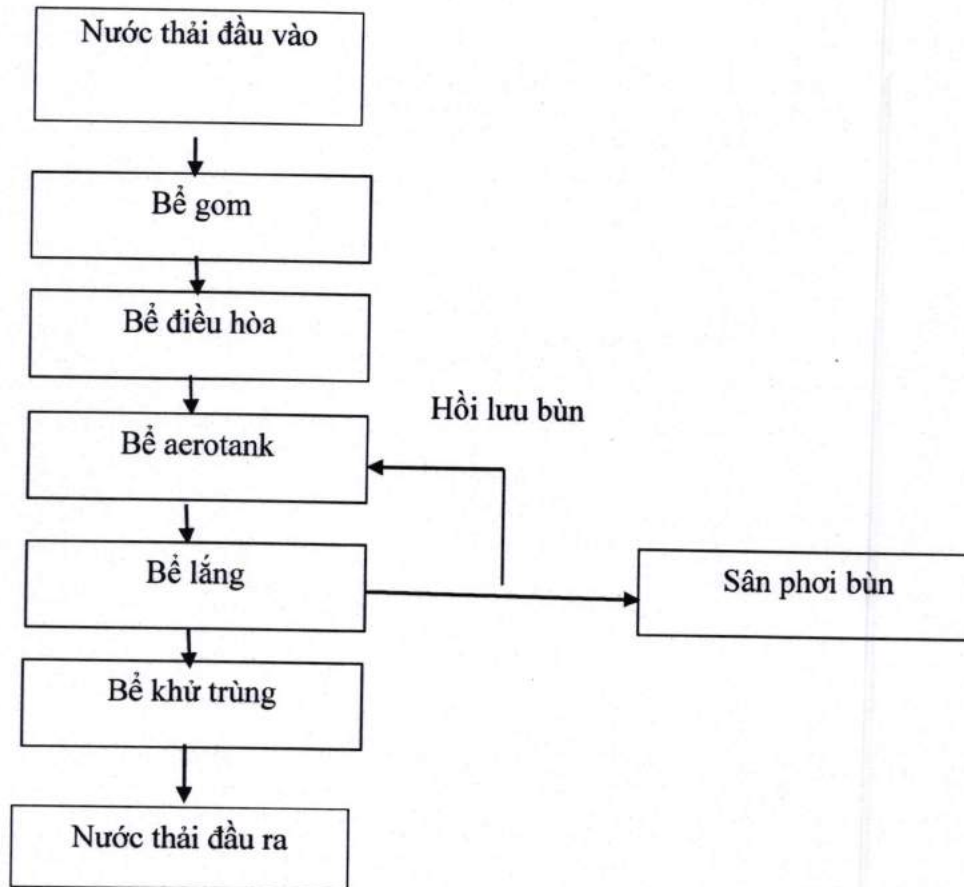
Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, Công ty lập báo cáo tác động môi trường dự án, báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng quý hàng năm trong quá trình vận hành sản xuất

a. Các công trình xử lý nước thải bao gồm:

+ Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, hệ thống thoát nước mưa.

- Lưu lượng nước thải phát sinh: 0.15 – 0.2m³/ngày đêm

- Nước thải từ các nguồn được thu hồi về bể gom, bể điều hòa sau đó qua bể sục khí và bể lắng, khử trùng trước khi thải ra môi trường.



b. Nước thải

Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt

III. Nước thải							
STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Chì (Pb) (mg/L)	Tổng dầu mỡ khoáng (mg/L)	Tổng Photpho (mg/L)	Tổng Nitơ (mg/L)	Coliform (MPN/100 mL)	Lưu lượng nước thải (m ³ /h)
1	NT1	<0,003	4,6	11,5	43,8	17.000	1,43
2	NT2	<0,003	0,4	1,86	28,7	2.400	1,47
QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B		0,5	10	6	40	5.000	-

Kết luận: Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong các mẫu nước thải sau hệ thống xử lý (NT2) tại Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

c. Khí thải:

II. Khí thải						
STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Nhiệt độ (°C)	Bụi tổng (mg/Nm ³)	Lưu huỳnh đioxit, (SO ₂) (mg/Nm ³)	Nitơ oxit (NO _x) (mg/Nm ³)	Hydrocacbon (CxHy) (mg/Nm ³)
1	OK1	122,377	57,2	<2,62	165,3	5,667
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B		-	200	500	850	-
QCVN 20:2009/BTNMT, Nồng độ tối đa		-	-	-	-	-

- Kết luận: Giá trị nồng độ bụi và khí độc tại vị trí kiểm tra ống khói của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 7.176.772 kg
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.535.599 kwh
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

6.4. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
 - Nguồn nước giếng khoan. lượng nước sử dụng 2.000 m³/năm

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ		
Trên Đại học	4	0.69%
Đại học	36	6.21%
Cao đẳng/trung cấp	12	2.07%
Công nhân/kỹ thuật	527	91.01%
Phân theo giới tính		
Nam	204	35.24%
Nữ	375	64.76%
Tổng	579	100%

➤ Thu nhập bình quân người/tháng: 6,5 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

➤ Đảm bảo chất lượng nguồn lực:

- Triển khai xây dựng chương trình đào tạo, tập trung vào việc đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa vận hành.
- Xây dựng ban hành quy chế doanh nghiệp
- Đánh giá năng lực nhân viên: Tổ chức xây dựng rà soát, đánh giá chuyên môn với các chức danh để làm cơ sở đánh giá nhân lực, lập kế hoạch đào tạo hàng năm.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định cho người lao động yên tâm công tác
- Khám theo dõi sức khỏe định kỳ
- Tạo điều kiện cho người lao động được biết, tham gia ý kiến đóng góp giám sát những vấn đề liên quan đến quyền lợi, lợi ích nghĩa vụ và trách nhiệm.

➤ Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động

- Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động, Công ty luôn nghiêm túc thực hiện duy trì các hoạt động sau:

+ Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty

+ Tổ chức khám định kỳ tại các bệnh viện uy tín cho 100% cán bộ nhân viên.

Tổ chức cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng.

Trong năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Công ty tăng cường các biện pháp phòng chống dịch như xây dựng phương án phòng chống dịch, thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch, phun thuốc khử khuẩn vệ sinh môi trường làm việc, cung cấp nước sát khuẩn khẩu trang, thực hiện khai báo y tế kịp thời.

➤ Trang thiết bị lao động

Hàng năm công ty đều mua sắm trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động, người lao động phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong suốt thời gian làm việc.

➤ Công tác an toàn vệ sinh lao động:

Tổ chức sắp xếp máy móc, thiết bị phù hợp với người lao động.

Thực hiện công tác đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm soát điều kiện làm việc cho người lao động công ty.

- Kiểm tra định kỳ an toàn phòng chống cháy nổ và thoát hiểm thoát nạn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

➤ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Công tác đào tạo Công ty năm 2021 tập trung vào nội bộ, Công ty khuyến khích CBCNV tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tự nghiên cứu tài liệu. Công ty đã triển khai kịp thời các khóa tập huấn, cập nhật cho CBVN về các nội dung, văn bản mới của Luật lao động, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.

STT	Các khóa đào tạo	Số lượng học viên	Số giờ đào tạo
1	Vận hành máy móc thiết bị	10	48h
2	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn kiến thức nghiệp vụ kế toán	05	72h
3	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn kiến thức Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán	02	24h
4	Đào tạo về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ	50	24h

➤ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch Công ty; cập nhật các thông tư nghị định hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, thuế, lao động tiền lương, BHXH, Luật doanh nghiệp....

Tổ chức các buổi giao lưu với các doanh nghiệp cùng ngành, để học hỏi trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để tìm và nghiên cứu các giải pháp sáng tạo phục vụ tốt hơn cho công tác vận hành

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần của tập thể CBNV, tạo điều kiện thuận lợi để CBNV ổn định cuộc sống
- Thực hiện hỏi thăm tặng quà thân nhân gia đình CBCNV khi ốm đau, hoạn nạn và lúc khó khăn
- Tặng quà cho các hộ nghèo khó khăn củ huyện Mai Châu.
- Công ty luôn hỗ trợ quỹ chất độc da cam; Hội người mù, các quỹ đền ơn đáp nghĩa với địa phương

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 tiếp tục là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới:

- Đại dịch covid 19 bùng phát phức tạp và kéo dài dẫn đến nền kinh tế toàn thế giới khủng hoảng nghiêm trọng, các nước phong tỏa diện rộng, việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đều bị tác động nặng nề, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao.

Đôi diện với nhiều thách thức, khó khăn đến từ thiên nhiên cũng như môi trường kinh doanh, Năm 2021 Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Tập đoàn đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu so với kế hoạch cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng: Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ	370,69	290,72	494,34	442,29
2	Lợi nhuận trước thuế	(28,42)	(23,87)	13,07	15,11

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2021	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Tổng: Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác.	350	494,34	141,24%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	5	17,77	355,40%

➤ **Những tiến bộ mà công ty đã đạt được:**

- Tổng doanh thu cả năm 2021 đạt 494,34 tỷ đồng vượt 41,24% kế hoạch đã đặt ra.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 17,77 tỷ đồng đạt 355,49% kế hoạch
- Công tác tiền lương, lao động tiền thưởng, và chế độ chính sách của người lao động được đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện theo đúng tiến độ.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định
- Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí kinh doanh.

Công ty luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ	Tăng/giảm	Tăng/giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	339,93	682,81	58,68%	342,88	100,87%
Tài sản dài hạn	821,05	480,80	41,32%	-340,25	-41,44%
Tổng giá trị tài sản	1.160,98	1.163,61	100,00%	2,63	0,23%

Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản được ghi nhận là 1.163,61 tỷ đồng, tăng 2,63 tỷ (tương đương 0,23%) so với năm 2020, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 342,88 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 340,25 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn năm 2021 đạt 682,81 tỷ đồng, tăng 100,87% so với năm 2020: 339,93 tỷ đồng, chiếm 58,68% tổng tài sản.

Tài sản dài hạn năm 2021 đạt 480,8 tỷ đồng giảm 340,25 tỷ đồng (tương ứng giảm với 41,44%) so với năm 2020. Chiếm 41,42% Tổng tài sản

Trong năm 2021 Công ty không có khoản phải thu quá hạn nào

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm (%)
Nợ ngắn hạn	281,59	296,05	5,14%
Nợ dài hạn	45,75	20,10	-56,07%
Tổng nợ phải trả	327,34	316,15	-3,42%

Tại ngày 31/12/2021, Tổng nợ phải trả của tập đoàn là 316,15 tỷ đồng giảm 3,42% so với năm 2020, cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tập đoàn đang có chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định.

Trong năm 2021 công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Công ty.
- Xây dựng quy chế, quy định và các văn bản về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng, phân xưởng.
- Tổ chức xử lý, giải quyết các công việc nhiệm vụ và theo thẩm quyền của các phòng ban.
- Phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin và đánh giá tình hình hoạt động của công ty theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ sản xuất để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh
- Thực hiện đúng quy định và đảm bảo điều kiện làm việc cho CBCNV. Công ty thực hiện chính sách 2 ca/ngày.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn tới là tiếp tục tái cơ cấu doanh nghiệp, hướng đến sự phát triển bền vững, tạo tiền đề cho sự gia tăng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, đồng thời vẫn phải đảm bảo đạt chỉ tiêu lợi nhuận. Mục tiêu đối cụ thể như sau:

- Duy trì vị thế số một ngành tre công nghiệp ở Việt Nam. Tập trung phát triển chuỗi liên kết ngành để phát triển vùng nguyên liệu.
- Siết chặt công tác quản lý, tăng cường kỷ cương trong điều hành sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, thương hiệu, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại nhà máy sản xuất.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

- Năm 2021 Công ty luôn đảm bảo an toàn không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy.
- Hàng Quý Công ty đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Công ty đã tiến hành khảo sát quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải để đảm bảo các tiêu chí môi trường đạt kết quả tốt nhất.
- Hàm lượng khí thải và bụi không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải Công nghiệp
- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn hoạt động trong quá trình vận hành nhà máy đảm bảo nước thải đầu ra hệ thống đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển Công ty, vì vật công tác phát triển, nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty đặc biệt quan tâm và xem đó là nhân tố quyết định, là tài sản quý giá và là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong những năm qua không chỉ thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, công ty còn hỗ trợ nhà ở, phụ cấp tiền ăn....
- Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương, thưởng hấp dẫn, công ty còn xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, năng động trong công việc.
- Công tác an toàn sức khỏe môi trường luôn được đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, các chương trình đào tạo huấn luyện và diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy.
- Ngoài ra Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ mát hằng năm để CBCNV có kỳ nghỉ dưỡng.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Vấn đề an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng luôn thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Công ty bên cạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả, thì trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được quan tâm. Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chương trình an sinh xã hội bên ngoài công ty bị hạn chế, Công ty đã hỗ trợ các chế độ phòng chống Covid-19 để động viên người lao động như hỗ trợ tiền, khẩu trang, thiết bị y tế.....
- Hằng năm công ty phát động phong trào hiến máu cứu người, tất cả các phong trào quyên góp, làm thêm tình nguyện để ủng hộ quỹ tương trợ đồng bào thiên tai lũ lụt.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2021 một năm đầy biến động và thử thách khi dịch Covid-19 bùng phát gây ảnh hưởng đến nền kinh tế cả nước nói chung và Công ty nói riêng. Tập thể Công ty đã nỗ lực phân đầu hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty để thực hiện kiểm tra giám sát, đồng thời hỗ trợ Ban điều hành công ty trong quá trình triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về mặt quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã hoàn thiện hệ thống quy chế quy định nội bộ, rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự, ngay những ngày đầu dịch Covid-19 công ty đã lên phương án bố trí làm việc luân phiên, online và trực tiếp để đảm bảo sản xuất được liên tục.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công ty theo kế hoạch, đúng quy trình, quy định. Công tác an sinh xã hội luôn được công ty quan tâm và hưởng ứng tích cực.

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch, thực hiện chắc chắn đúng quy định hiện hành, tình hình tài chính của công ty lành mạnh, các chỉ số tài chính năm 2021 đều phản ánh sức mạnh tài chính và bền vững của Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT đánh giá cao sự cố gắng của Ban Giám đốc trong điều hành hoạt động của Công ty, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được giao.

- Ban giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Duy trì họp giao ban hàng tuần, tháng nhằm giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT cùng Ban điều hành công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chứng năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, HĐQT và Ban điều hành luôn có sự nhất trí cao, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban điều hành chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm. HĐQT đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban điều hành đã nỗ lực chỉ đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trong bối cảnh khó khăn của năm 2021.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển ngành, định hướng chiến lược và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đưa ra kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

- Phê duyệt chi tiết, giám sát chỉ đạo công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thành công;
- Chỉ đạo điều hành hoạt động sx kinh doanh của Công ty an toàn, hiệu quả
- Tăng cường công tác quản lý để đảm bảo vận hành an toàn
- Chỉ đạo công tác lập kế hoạch bám sát thực tiễn sản xuất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra

- Tìm kiếm thêm nguồn nhiên liệu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty
- Chỉ đạo thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời, đảm bảo cân đối dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thực hiện công tác giám sát kiểm tra đối với Ban điều hành và công ty đúng với chức năng của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty

1. Thành viên HĐQT

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.871.100	4,89%
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên kiêm Tổng giám đốc	0	0
3	Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc	3.510.000	4,43%
4	Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
5	Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên HĐQT độc lập	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQHĐQT-SJF	30/03/2021	V/v: Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ	100%
2	02/2021/NQHĐQT-SJF	02/04/2021	V/v: Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chậm nhất trước ngày 30/06/2021	100%
3	03/2021/NQHĐQT-SJF	08/04/2021	V/v: Thoái vốn một phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình và phương án góp vốn thành lập công ty con	100%
4	04/2021/NQHĐQT-SJF	31/05/2021	V/v: Thông qua phương án cho vay	100%
5	05/2021/NQHĐQT-SJF	05/05/2021	V/v: Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%

6	06/2021/NQHĐQT-SJF	29/06/2021	V/v: Thông qua bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026	100%
7	07/2021/NQHĐQT-SJF	29/06/2021	V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	100%
8	08/2021/NQHĐQT-SJF	30/06/2021	V/v: Bổ nhiệm người đại diện vốn góp của Công ty	100%
9	09/2021/NQHĐQT-SJF	14/10/2021	V/v: Ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty; Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT	100%
10	10/2021/NQHĐQT-SJF	15/10/2021	V/v: Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thủ Đức	100%
11	11/2021/NQHĐQT-SJF	03/12/2021	V/v: Thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc	100%
12	12/2021/NQHĐQT-SJF	15/12/2021	V/v: Thông qua phương án cho vay	100%
13	12/2021/NQHĐQT-SJF	16/12/2021	V/v: Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty	100%

Kết quả các cuộc họp:

Hội đồng quản trị luôn thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ được giao chủ động cùng Ban Giám đốc trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, ban hành 13 Nghị quyết theo đề xuất của công ty làm căn cứ pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập Công ty làm việc theo nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT phân công. HĐQT độc lập giám sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất kinh doanh, tài chính nhân sự.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

2. Ban Kiểm soát:

- a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Gồm 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng BKS	Cử nhân kinh tế	120.000	0,25%
4	Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên BKS	Cử nhân tài chính kế toán	0	0
5	Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên BKS	Cử nhân kế toán	0	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tổ chức ba (3) cuộc họp chính thức trong năm 2021 như sau:

STT	Thời gian	Nội dung chính
01	20/04/2021	Tổng kết các hoạt động của BKS trong năm 2020; Thảo luận về thủ tục trình ĐHĐCĐ phê duyệt Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021.
02	29/06/2021	Phân công nhiệm vụ công việc trong năm 2020
03	14/08/2021	Tổng kết hoạt động BKS và kiểm toán trong 6 tháng đầu năm 2020

➤ **Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát:**

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã đề ra các chương trình cụ thể, chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và Ban điều hành trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, NQ ĐHĐCĐ, tuân thủ quy chế quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.
- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban của Công ty, các cuộc họp HĐQT, phối hợp với HĐQT Ban điều hành trong việc góp ý xây dựng các quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

c) Báo cáo kết quả làm việc của Ban kiểm soát

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:
 - HĐQT, Ban điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tính thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu định hướng Đại hội đồng cổ đông, triển khai các nhiệm vụ cụ thể đạt được kết quả tốt nhất.
 - Hàng quý, Ban kiểm soát đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo 6 tháng và cả năm của Công ty.
 - Trong năm Công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát cũng không nhận được đơn thư kiến nghị đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành công ty

- Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên.....được công bố kịp thời đầy đủ tạo điều kiện cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư.

➤ Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty:

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị triển khai nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra các chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên ban hành 13 Nghị quyết theo đề xuất của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành khẩn trương, kịp thời để đảm bảo công tác mua sắm hàng hóa được thực hiện đúng quy định, đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả.

❖ **Hoạt động của Ban điều hành.**

Ban điều hành luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban điều hành hỗ trợ và tạo điều hành đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban điều hành đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Ban điều hành phản hồi đầy đủ và kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- *Hội đồng quản trị:*

1. Nguyễn Trí Thiện: 156.800.026 đồng

- *Ban Tổng giám đốc:*

1. Nguyễn Trí Thiện: 156.800.026 đồng

2. Nguyễn Anh Tuấn: 132.399.026 đồng

3. Nguyễn Xuân Nam: 139.800.026 đồng

- *Ban kiểm soát:*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị Công ty niêm yết. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan

- Đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp về quy định niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến HĐQT đúng quy định Điều lệ.

- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ CBTT định kỳ và bất thường.

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định về quản trị doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ quy chế nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT.

Như vậy, HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán: “ Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
(Báo cáo tài chính Công ty Mẹ được đăng tải trên website của Công ty)

Nơi nhận:

- Sở giao dịch CK,UBCK;
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Thiện



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 28/06/2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (tái bổ nhiệm ngày 28/06/2021)
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên (tái bổ nhiệm ngày 28/06/2021)
Ông Yoshiro Komiyama	Ủy viên (tái bổ nhiệm ngày 28/06/2021)
Ông Đặng Văn Hóa	Ủy viên (tái bổ nhiệm ngày 28/06/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/01/2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04/01/2022)
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Nguyễn Trí Thiện

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 20803/2022/ BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2022, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội**



ĐỖ THỊ THU HUYỀN – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

TRẦN THỊ THANH TÚ - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		682.810.910.108	339.930.756.366
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.559.396.915	28.148.000.901
1. Tiền	111		31.559.396.915	28.148.000.901
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		600.029.582.395	262.376.528.507
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	268.344.320.771	138.102.147.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.243.594.171	70.990.650.766
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	277.400.000.000	53.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.302.761.053	144.824.154
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(261.093.600)	(261.093.600)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	49.910.150.772	44.466.250.528
1. Hàng tồn kho	141		49.910.150.772	44.466.250.528
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.311.780.026	4.939.976.430
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	101.540.002	473.761.134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		960.240.024	4.216.215.296
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	250.000.000	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		480.800.051.400	821.050.376.941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5b	101.536.537.600	181.536.537.600
6. Phải thu dài hạn khác	216		101.536.537.600	181.536.537.600
II. Tài sản cố định	220		214.138.988.705	382.849.706.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	156.841.490.060	235.695.840.018
- Nguyên giá	222		242.307.217.637	309.072.576.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.465.727.577)	(73.376.736.392)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	57.297.498.645	147.153.865.985
- Nguyên giá	228		60.000.000.000	150.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.702.501.355)	(2.846.134.015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	45.956.161.954
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	45.956.161.954
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	148.624.454.735	195.941.311.024
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		148.425.794.735	180.839.716.754
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		198.660.000	28.698.660.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(13.597.065.730)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.500.070.360	14.766.660.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16.500.070.360	14.766.660.360
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.163.610.961.508	1.160.981.133.307

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		316.158.872.146	327.340.352.893
I. Nợ ngắn hạn	310		296.058.458.412	281.590.245.207
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	126.947.171.038	58.479.687.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.126.729.108	11.188.014.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	565.774.114	672.304.772
4. Phải trả người lao động	314		539.556.446	203.446.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	27.696.405.663	21.271.071.525
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	325.571.475	16.155.339.538
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	118.857.250.568	173.620.380.476
II. Nợ dài hạn	330		20.100.413.734	45.750.107.686
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	16.774.308.070	37.706.448.662
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.326.105.664	8.043.659.024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		847.452.089.362	833.640.780.414
I. Vốn chủ sở hữu	410		847.452.089.362	833.640.780.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	43.066.421.434	25.132.272.159
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		25.132.272.159	52.853.414.217
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.934.149.275	(27.721.142.058)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.385.667.928	16.508.508.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.163.610.961.508	1.160.981.133.307



Nguyễn Trí Thiện
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hà Thị Phương Thủy
Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	494.342.529.743	370.690.891.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	494.342.529.743	370.690.891.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	488.007.993.147	353.072.675.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.334.536.596	17.618.216.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.561.722.295	3.679.332.898
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.010.508.220	37.419.276.249
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.943.041.561	21.584.860.156
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		595.672.555	959.590.308
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.065.851.952	2.880.839.980
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.432.948.359	5.463.952.196
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.982.622.915	(23.506.928.411)
12. Thu nhập khác	31		412.598.988	2.150.957.611
13. Chi phí khác	32		5.322.825.266	2.372.669.537
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(4.910.226.278)	(221.711.926)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.072.396.637	(23.728.640.337)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	10.519.950	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(4.717.553.360)	4.691.662.411
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.779.430.047	(28.420.302.748)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.934.149.275	(27.721.142.058)
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(154.719.228)	(699.160.690)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	226	(350)



Nguyễn Trí Thiện
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hà Thị Phương Thủy
Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.072.396.637	(23.728.640.337)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.107.277.778	20.092.709.660
- Các khoản dự phòng	03		(13.597.065.730)	13.597.065.730
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		54.937.815	7.677.766
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.547.800.276)	(4.283.028.661)
- Chi phí lãi vay	06		17.943.041.561	21.584.860.156
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.032.787.785	27.270.644.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		111.862.411.708	17.991.815.638
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.443.900.244)	22.716.345.254
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		64.106.184.960	(36.141.304.161)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.302.211.130	(6.540.644.918)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.662.384.872)	(8.984.684.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.197.310.467	16.312.171.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(461.000.000)	(7.545.228.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.998.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(224.000.000.000)	(53.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	36.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		123.422.226.246	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.067.616	3.663.407.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101.035.706.138)	(19.283.820.780)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		148.442.095.000	199.317.700.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(224.137.365.500)	(204.369.210.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.695.270.500)	(5.051.510.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.466.333.829	(8.023.159.710)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.148.000.901	36.171.160.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.937.815)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.559.396.915	28.148.000.901



Nguyễn Trí Thiện
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hà Thị Phương Thủy
Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Thủy
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 số 0105806767 ngày 19 tháng 08 năm 2020. Theo đó, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Trí Thiện.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng nông, lâm sản,...

Hoạt động chính của Công ty là:

Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn gạo; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dịch Covid 19 diễn ra trong năm đã làm ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam cùng nằm trong xu thế chung đó. Trong năm, hoạt động kinh doanh và sản xuất tại công ty và các công ty con của công ty gặp nhiều khó khăn, xuất khẩu tại công ty con thì bị sụt giảm. Tuy nhiên Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch ứng phó cho phù hợp với tình hình dịch bệnh. Công ty đã thực hiện thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty trong hệ thống mà hoạt động chưa hiệu quả; thực hiện cho vay để tận dụng tối đa nguồn vốn nhân đổi. Đồng thời nghiên cứu, đầu tư vào các dự án mới tiềm năng hơn nhằm mang lại hiệu quả cao hơn trong thời gian tới. Do đó, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của công ty có lãi. Kết quả kinh doanh lãi là do công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty trong hệ thống không hiệu quả, lãi do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần BWG Mai Châu

- * Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 96,54%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 96,54%

Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình (đã thoái vốn ngày 30/11/2021)

- * Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ đến ngày 30/11/2021 là 95%;
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 30/11/2021: 95%

Công ty CP Công ty CP Sunstar Bamboo Việt Nam

- * Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT M Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 99,50%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 99,50%

Công ty Cổ phần Công ty CP Sunstar Ecotech Việt Nam

- * Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT M Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 98%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 98%

3. Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona

- * Địa chỉ: Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 49%
- * Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 31/12/2021: 49%

Công ty TNHH BWG Điện Biên (đã thoái vốn ngày 01/10/2021)

- * Địa chỉ: Bán Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 01/10/2021: 36,69%
- * Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 01/10/2021: 38%

Số lượng nhân viên của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021 là: 13 (tại ngày 31/12/2020 là 12).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa Vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Trang thiết bị dụng cụ quản lý	07 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Khấu hao

Công ty không trích khấu hao đối với Quyền sử dụng lâu dài.

Đối với tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng còn lại của Quyền sử dụng đất.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt	17.839.332.067	6.054.167.452
- Tiền gửi ngân hàng	13.720.064.848	22.093.833.449
Cộng	31.559.396.915	28.148.000.901

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển TM DV Hà An (*)	30.487.057.052	83.442.915.749
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Đức	-	22.464.100.000
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	30.769.152.262
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	61.902.282.379	-
- Công ty CP XNK Cát Long	70.390.800.000	-
- Hà Văn Trường	30.400.000.000	-
- Các khách hàng khác	15.423.356.340	1.425.979.176
Cộng	268.344.320.771	138.102.147.187

(*) Đổi tên từ Công ty TNHH TM và Sản xuất Phân bón Lào Cai.

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty CP Cát Tường Thiên Tân Lạc (*)	163.000.000.000	-
- Cho vay cá nhân (**)	114.400.000.000	53.400.000.000
Cộng	277.400.000.000	53.400.000.000

(*) Cho vay theo hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021.

(**) Các khoản cho vay cá nhân với thời gian cho vay dưới 12 tháng, lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

4. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	18.417.646.111	-	11.723.862.995	-
- Công cụ, dụng cụ	242.580.294	-	191.103.294	-
- Chi phí SX, KD dở dang	11.993.404.012	-	12.421.713.942	-
- Thành phẩm	18.452.403.385	-	19.601.761.568	-
- Hàng hóa	804.116.970	-	527.808.729	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

5. Phải thu khác	49.910.150.772		-		44.466.250.528		-	
	Cuối năm				Đầu năm			
	Giá trị		Dự phòng		Giá trị		Dự phòng	
a. Ngắn hạn	19.302.761.053	-	-	-	144.824.154	-	-	-
- Tạm ứng	14.180.186.859	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu về lãi cho vay	5.097.778.078	-	-	-	144.822.521	-	-	-
- Phải thu khác	24.796.116	-	-	-	1.633	-	-	-
b. Dài hạn	101.536.537.600	-	-	-	181.536.537.600	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	36.537.600	-	-	-	36.537.600	-	-	-
- Hợp tác kinh doanh	101.500.000.000	-	-	-	181.500.000.000	-	-	-
+ Dự án Xây dựng Vùng nguyên liệu trồng tre, gỗ	-	-	-	-	80.000.000.000	-	-	-
+ Dự án Công viên Tre sinh thái (i)	101.500.000.000	-	-	-	101.500.000.000	-	-	-
Cộng	120.839.298.653	-	-	-	181.681.361.754	-	-	-

- (i) Hợp đồng số 0301/HĐHTKD ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công ty CP Sunstar Ecotech Việt Nam (Bên A) với Công ty CP Đầu tư Phát triển SCO (Bên B) để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án Dự án Công viên Tre sinh thái. Theo đó:

Tổng giá trị hợp tác là: 229.411.000.000 đồng, trong đó bên A góp 101.500.000.000 đồng; Bên B góp 127.911.000.000 đồng.

Bên A đồng ý chuyển cho Bên B số tiền 101.500.000.000 đồng để thực hiện dự án, Bên B đồng ý sử dụng số vốn hợp tác để cùng đầu tư xây dựng dự án trên.

Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2025. Thời hạn trên có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của các bên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	85.953.137.768	217.889.251.184	5.230.187.458	309.072.576.410
Mua trong năm	-	226.000.000	235.000.000	461.000.000
Phân loại lại	-	(233.000.000)	233.000.000	-
Giảm do hợp nhất	(20.438.716.500)	(46.787.642.273)	-	(67.226.358.773)
Số dư cuối năm	65.514.421.268	171.094.608.911	5.698.187.458	242.307.217.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	17.242.627.807	54.510.655.806	1.623.452.779	73.376.736.392
Khấu hao trong năm	5.490.523.978	16.495.905.495	581.322.122	22.567.751.595
Phân loại lại	-	(1.941.667)	1.941.667	-
Giảm do hợp nhất	(1.267.839.617)	(9.210.920.793)	-	(10.478.760.410)
Số dư cuối năm	21.465.312.168	61.793.698.841	2.206.716.568	85.465.727.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	68.710.509.961	163.378.595.378	3.606.734.679	235.695.840.018
Tại ngày cuối năm	44.049.109.100	109.300.910.070	3.491.470.890	156.841.490.060

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng là: 150.051.262.584 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Giảm do hợp nhất	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số dư cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	2.846.134.015	2.846.134.015
Khấu hao trong năm	539.526.183	539.526.183
Giảm do hợp nhất	(683.158.843)	(683.158.843)
Số dư cuối năm	2.702.501.355	2.702.501.355
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	147.153.865.985	147.153.865.985
Tại ngày cuối năm	57.297.498.645	57.297.498.645

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng là: 0 VND.

8. Chi phí trả trước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	101.540.002	473.761.134
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	34.873.334	132.920.349
- Các khoản khác	66.666.668	340.840.785
b. Dài hạn	16.500.070.360	14.766.660.360
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.124.316.667
- Chi phí thuê văn phòng	6.895.515.000	7.221.484.800
- Chi phí thuê tài sản	3.250.000.000	-
- Chi phí chuyển nhượng dự án	6.061.349.693	6.220.858.893
- Các khoản khác	293.205.667	200.000.000
Cộng	16.601.610.362	15.240.421.494

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Dự án Nhà máy Sản xuất Ván dăm Tre gỗ Công nghiệp tại Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	-	45.956.161.954
Cộng	-	45.956.161.954

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

10. Các khoản đầu tư tài chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	148.425.794.735		-	180.839.716.754		-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	147.000.000.000		-	147.000.000.000		-
- Công ty TNHH BWG Điện Biên	-		-	31.231.826.118		-
- Lãi Công ty liên kết	1.425.794.735		-	2.607.890.636		-
b. Đầu tư vào đơn vị khác	198.660.000		-	28.698.660.000		(13.597.065.730)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển SCO	-		-	28.500.000.000		(13.597.065.730)
- Công ty CP Jarce'l Việt Nam	198.660.000		-	198.660.000		-
Cộng	148.624.454.735	-	-	209.538.376.754	-	(13.597.065.730)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, các Công ty có vốn góp đầu tư chưa thực hiện niêm yết nên Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn lập dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị...
- Công ty CP Jarce'l Việt Nam	Tầng 7, tòa nhà Simco Sông Đà, KĐT Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Hà Nội	16%	16%	Được, hàng tiêu dùng chăm sóc sức khỏe...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	118.857.250.568	50.285.996.000	169.374.235.592	224.137.365.500	173.620.380.476	173.620.380.476
Vay ngắn hạn ngân hàng	89.946.000.000	49.946.000.000	148.442.095.000	197.188.795.000	138.692.700.000	138.692.700.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (1)	40.000.000.000	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô (2)	49.946.000.000	49.946.000.000	148.442.095.000	197.188.795.000	98.692.700.000	98.692.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	28.911.250.568	339.996.000	20.932.140.592	26.948.570.500	34.927.680.476	34.927.680.476
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (3)	28.571.254.568	-	8.163.215.592	-	20.408.038.976	20.408.038.976
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình	-	-	12.445.357.000	26.625.002.500	14.179.645.500	14.179.645.500
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (4)	114.996.000	114.996.000	98.568.000	98.568.000	114.996.000	114.996.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Lâm (5)	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
b. Vay dài hạn	16.774.308.070	447.876.900	-	20.932.140.592	37.706.448.662	37.706.448.662
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (3)	16.326.431.170	-	-	8.163.215.592	24.489.646.762	24.489.646.762
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình	-	-	-	12.445.357.000	12.445.357.000	12.445.357.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (4)	147.876.900	147.876.900	-	98.568.000	246.444.900	246.444.900
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Lâm (5)	300.000.000	300.000.000	-	225.000.000	525.000.000	525.000.000
Cộng	135.631.558.638	50.733.872.900	169.374.235.592	245.069.506.092	211.326.829.138	211.326.829.138

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2021:

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3004 - LAV - 201703081 ngày 29/11/2017; Số tiền 40.000.000.000 VND, thời hạn vay dưới 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho chi phí sản xuất tre ép tấm và các sản phẩm từ tre. Tài sản đảm bảo là: máy móc thiết bị. Khoản vay này đã quá hạn, Công ty Cổ phần BWG Mai Châu đang đàm phán với ngân hàng để cơ cấu khoản nợ này.
- (2) Vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV-202100761 ngày 08/12/2021. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất và thời hạn vay: theo từng kế ước nhận nợ. Phương thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa.
- (3) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD-DH/BWG ngày 17/12/2014. Thời hạn vay: 72 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh. Mục đích vay: Đầu tư Xây dựng Nhà máy sản xuất Tre ép tấm. Tài sản đảm bảo là: Các tài sản hình thành trong tương lai, các nguồn thu phát sinh từ dự án, phương án sử dụng vốn vay; và phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung số 3004LAV201403420 ngày 12/12/2017 về việc bổ sung thời hạn cho vay từ 72 tháng lên 120 tháng với mức lãi suất cố định 9,5%/năm. Khoản vay này đã quá hạn, Công ty Cổ phần BWG Mai Châu đang đàm phán với ngân hàng để cơ cấu khoản nợ này.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029.01/2017/KUNN-DN/PGBankHN ngày 21 tháng 06 năm 2017 với hạn mức vay là 690.000.000 VND, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất vay 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích cho vay: thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép màu: Đen, nhãn hiệu Chevrolet có biển kiểm soát: 29C-76773.
- (5) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6152035/HĐTD ngày 28/04/2020; Số tiền vay: 900.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: lãi suất thả nổi.

c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2021

	Số cuối năm		
	Gốc	Lãi	Cộng
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình (*)	84.897.685.738	27.634.838.167	112.532.523.905

(*) Khoản gốc vay và lãi vay này đã quá hạn và chưa được thanh toán do Công ty Cổ phần BWG Mai Châu đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có nguồn tiền để thanh toán. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình đã thực hiện thông báo đấu giá toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần BWG Mai Châu. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này vẫn chưa thực hiện đấu giá thành công khoản nợ này. Công ty đang tập trung thu xếp nguồn vốn để thanh toán khoản nợ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP XNK Cát Long	-	-	4.258.046.655	4.258.046.655
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	35.982.200.000	35.982.200.000	-	-
- Công ty CP XNK Quảng Bình	84.662.050.000	84.662.050.000	-	-
- Công ty CP XNK Đức Nguyên	-	-	9.604.997.111	9.604.997.111
- Công ty CP TM Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	29.321.500.000	29.321.500.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	6.302.921.038	6.302.921.038	15.295.143.705	15.295.143.705
Cộng	126.947.171.038	126.947.171.038	58.479.687.471	58.479.687.471

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do hợp nhất	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	-	9.589.000	-	-	-	9.589.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	667.804.772	10.519.950	-	(122.139.608)	250.000.000	556.185.114
Các loại thuế khác	-	4.500.000	12.000.000	16.500.000	-	-	-
Cộng	250.000.000	672.304.772	32.108.950	16.500.000	(122.139.608)	250.000.000	565.774.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả (*)	27.696.405.663	20.415.748.974
- Các khoản trích trước khác	-	855.322.551
Cộng	<u>27.696.405.663</u>	<u>21.271.071.525</u>

(*) Trong đó lãi vay Công ty Cổ phần BWG Mai Châu phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 27.634.838.167 đồng.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	5.417.100	-
- Bảo hiểm xã hội	-	6.175.980
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	14.139.163.558
- Nguyễn Công Khải	-	2.000.000.000
- Phải trả phải nộp khác	320.154.375	10.000.000
Cộng	<u>325.571.475</u>	<u>16.155.339.538</u>

Trong đó phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Ông Nguyễn Công Khải	-	2.000.000.000

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC			
Số dư đầu năm	792.000.000.000	52.853.414.217	844.853.414.217
Lỗ trong năm	-	(27.721.142.058)	(27.721.142.058)
Số dư cuối năm	792.000.000.000	25.132.272.159	817.132.272.159
NĂM NAY			
Số dư đầu năm	792.000.000.000	25.132.272.159	817.132.272.159
Lãi trong năm	-	17.934.149.275	17.934.149.275
Số dư cuối năm	792.000.000.000	43.066.421.434	835.066.421.434

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

16.2. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.200.000	79.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	494.342.529.743	370.690.891.872
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	494.342.529.743	370.690.891.872
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	494.342.529.743	370.690.891.872

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	488.007.993.147	353.072.675.064
Cộng	488.007.993.147	353.072.675.064

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.956.023.173	3.663.407.402
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	15.925.496
Lãi thoái vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất	19.605.699.122	-
Cộng	24.561.722.295	3.679.332.898

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	17.943.041.561	21.584.860.156
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.937.815	44.864.254
Lỗ thoái vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất	2.609.594.574	-
Chi phí tài chính khác	-	2.192.486.109
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(13.597.065.730)	13.597.065.730
Cộng	7.010.508.220	37.419.276.249

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311.856.666	701.440.290
Chi phí nhân công	-	108.187.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.592.909.773	1.890.054.244
Chi phí khác bằng tiền	161.085.513	181.158.446
Cộng	2.065.851.952	2.880.839.980

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	353.340.315	23.662.392
- Chi phí nhân viên quản lý	1.452.979.467	2.273.852.818
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	824.287.700	883.904.493
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.838.512	1.742.175.104
- Chi phí khác bằng tiền	1.672.502.365	540.357.389
Cộng	4.432.948.359	5.463.952.196

7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	412.598.988	2.150.957.611
Thu nhập khác	412.598.988	2.150.957.611
Chi phí khác	5.322.825.266	2.372.669.537
Thanh lý tài sản cố định	-	339.969.049
Chi phí khấu hao	4.779.245.251	1.934.707.578
Chi phí khác	543.580.015	97.992.910
Lợi nhuận khác	(4.910.226.278)	(221.711.926)

8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty con	10.519.950	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.519.950	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.934.149.275	(27.721.142.058)
- Các khoản điều chỉnh: (*)	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.934.149.275	(27.721.142.058)
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	79.200.000	79.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	226	(350)

(*) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.232.527.015	21.700.107.759
- Chi phí nhân công	4.806.673.622	4.181.388.390
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.328.032.527	18.158.002.082
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.579.298.830	6.009.326.540
- Chi phí khác	3.247.128.259	881.715.435
Cộng	47.193.660.253	50.930.540.206

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Công Khải	Giám đốc Công ty CP BWG Mai Châu - là Công ty con của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương

Số dư với bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Công Khải	Phải trả khác	-	2.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	156.800.026	55.012.500
Nguyễn Trí Thiện – Chủ tịch Hội đồng Quản trị	156.800.026	55.012.500
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	263.100.052	258.658.037
Nguyễn Trí Thiện – Tổng Giám đốc	-	77.017.500
Nguyễn Anh Tuấn – Tổng Giám đốc	132.300.026	28.167.500
Nguyễn Xuân Nam – Phó Tổng Giám đốc	130.800.026	116.773.037
Nguyễn Huy Quang – Phó Tổng Giám đốc	-	36.700.000
Cộng	419.900.078	313.670.537

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

2. Báo cáo bộ phận

Trong năm, Công ty và các Công ty con hoạt động chủ yếu là buôn bán kinh doanh thương mại các mặt hàng Phân bón như Ure, NPK; sản xuất các mặt hàng sản phẩm được làm từ tre ép và hoạt động chủ yếu tại khu vực Miền Bắc. Do đó Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh, chi tiết xem phụ lục số 01 – trang 29.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	31.559.396.915	28.148.000.901
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	388.922.525.824	319.522.415.341
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	277.400.000.000	53.400.000.000
- Đầu tư dài hạn	198.660.000	15.101.594.270
Cộng	698.080.582.739	416.172.010.512
Nợ phải trả tài chính		
- Các khoản vay	135.631.558.638	211.326.829.138
- Phải trả người bán và phải trả khác	127.272.742.513	74.635.027.009
- Chi phí phải trả	27.696.405.663	21.271.071.525
Cộng	290.600.706.814	307.232.927.672

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
- Các khoản vay	118.857.250.568	16.774.308.070	135.631.558.638
- Phải trả người bán và phải trả khác	127.272.742.513	-	127.272.742.513
- Chi phí phải trả	27.696.405.663	-	27.696.405.663
Cộng	273.826.398.744	16.774.308.070	290.600.706.814
Số dư đầu năm			
- Các khoản vay	173.620.380.476	37.706.448.662	211.326.829.138
- Phải trả người bán và phải trả khác	74.635.027.009	-	74.635.027.009
- Chi phí phải trả	21.271.071.525	-	21.271.071.525
Cộng	269.526.479.010	37.706.448.662	307.232.927.672
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	31.559.396.915	-	31.559.396.915
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	287.385.988.224	101.536.537.600	388.922.525.824
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	277.400.000.000	-	277.400.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	198.660.000	198.660.000
Cộng	596.345.385.139	101.735.197.600	698.080.582.739
Số dư đầu năm			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	28.148.000.901	-	28.148.000.901
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.985.877.741	181.536.537.600	319.522.415.341
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	53.400.000.000	-	53.400.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	15.101.594.270	15.101.594.270
Cộng	219.533.878.642	196.638.131.870	416.172.010.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Trí Thiện
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hà Thị Phương Thủy
Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Thủy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****Phụ lục số 01 – Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Phân bón (Ure)	Cốp pha, Pallet (Tre, gỗ)	Các mặt hàng khác	Loại trừ	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	441.973.180.000	47.826.169.743	5.099.880.000	(556.700.000)	494.342.529.743
Giá vốn hàng bán	441.926.450.000	42.552.919.813	5.001.990.000	(1.473.366.666)	488.007.993.147
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	46.730.000	5.273.249.930	97.890.000	916.666.666	6.334.536.596
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	6.498.800.311
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	24.561.722.295
Chi phí tài chính	-	-	-	-	7.010.508.220
Thu nhập khác	-	-	-	-	412.598.988
Chi phí khác	-	-	-	-	5.322.825.266
Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	595.672.555
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	13.072.396.637
Chi phí thuế	-	-	-	-	(4.707.033.410)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	17.779.430.047
TÀI SẢN					
Tài sản bộ phận	232.383.699.446	239.123.459.848	5.609.868.000	(422.370.000)	476.694.657.294
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	686.916.304.214
Tổng tài sản	-	-	-	-	1.163.610.961.508
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận	121.343.848.500	21.645.956.012	5.502.189.000	(422.370.000)	148.069.623.512
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	168.089.248.634
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	316.158.872.146